



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH PHƯỚC**

Địa chỉ: 899, QL14, P. Tân Bình, Tp. Đồng Xoài, Bình Phước  
ĐT: (02713) 881 093 Fax: (02713) 881 093  
Website: [cdbp.edu.vn](http://cdbp.edu.vn)  
Email: [cdbp@cdbp.edu.vn](mailto:cdbp@cdbp.edu.vn)

**BÁO CÁO**  
**TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG**  
**CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NĂM 2024**

*Bình Phước, tháng 12 năm 2024*



Số: 126 /BC-CĐBP

Bình Phước, ngày 27 tháng 12 năm 2024

## BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NĂM 2024

### A. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH PHƯỚC

#### 1. Thông tin chung về Trường Cao đẳng Bình Phước (Trường).

- Tên trường: **TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH PHƯỚC**
- Tên tiếng Anh: **BINH PHUOC COLLEGE**
- Mã trường: C43
- Cơ quan chủ quản Trường: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (sau đây gọi tắt là UBND tỉnh).
- Địa chỉ trường: Trụ sở (có 03 cơ sở):
  - + Trụ sở chính (cơ sở 1): Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; điện thoại: 02713.881.093.
  - + Cơ sở 2: KCN Chơn Thành, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước; điện thoại: 02713.691.006.
  - + Cơ sở 3: Khu phố 1, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; điện thoại: 02713.881.109.
- Email: [cdbp@cdbp.edu.vn](mailto:cdbp@cdbp.edu.vn)
- Website: <https://www.cdbp.edu.vn/>

Năm thành lập trường :

- Năm thành lập đầu tiên: 2019

Loại hình trường: Công lập

Tư thục

#### 2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Trường

##### 2.1. Lịch sử phát triển Nhà trường:

+ Năm thành lập trường qua các thời kỳ:

Trường Trung cấp Sư phạm tỉnh Bình Phước: 1997; nâng cấp lên Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Phước: 2003.

Trường Trung cấp Y tế tỉnh Bình Phước: 1998; nâng cấp lên Trường Cao đẳng Y tế Bình Phước: 2017.

Trường Đào tạo nghề tỉnh Bình Phước: 2003; đổi tên thành Trường Trung cấp nghề Tôn Đức Thắng: 2007; nâng cấp lên Trường Cao đẳng nghề Bình Phước: 2015.

- Năm sáp nhập và đổi tên Trường Cao đẳng Bình Phước: 11/11/2019.

Trường chịu sự lãnh đạo, quản lý trực tiếp và toàn diện của UBND tỉnh Bình Phước; quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên và các Bộ, ngành khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

*- Chức năng:*

Đào tạo người lao động có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp theo các bậc đào tạo ở các cấp trình độ: Cao đẳng, trung cấp và sơ cấp; có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe phù hợp với nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm, tham gia lao động trong và ngoài nước hoặc tiếp tục học tập nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng.

*- Nhiệm vụ:*

+ Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo thường xuyên theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Tổ chức biên soạn, xây dựng hoặc lựa chọn, phê duyệt chương trình, giáo trình đào tạo, học liệu đối với từng ngành, nghề đào tạo của trường theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Xây dựng kế hoạch tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Tổ chức các hoạt động đào tạo; kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; in phôi, quản lý, cấp phát bằng tốt nghiệp cao đẳng, bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo các ngành, nghề đặc thù theo quy định của Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quản lý người học, tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, văn hóa, văn nghệ và các hoạt động giáo dục toàn diện khác cho người học theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp, việc làm cho người học và tổ chức hoạt động hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp theo quy định của pháp luật;

+ Thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng đối với lao động nông thôn, lao động nữ, người khuyết tật và các chính sách khác theo quy định của pháp luật;

+ Tuyển dụng, sử dụng, quản lý đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của Trường bảo đảm đủ về số lượng, phù hợp với ngành, nghề, quy mô và trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật;

+ Cử hoặc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của Trường học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật;

+ Phối hợp với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, gia đình người học trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp và tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp; tổ chức cho đội ngũ nhà giáo, người học tham quan, thực tập tại doanh nghiệp và hỗ trợ giải quyết việc làm cho

người học theo quy định của pháp luật;

+ Phối hợp với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục thường xuyên để tuyên truyền, hướng nghiệp, phân luồng học sinh vào học các trình độ của giáo dục nghề nghiệp;

+ Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ về giáo dục nghề nghiệp, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mới phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của bộ, ngành, địa phương;

+ Thực hiện dân chủ, công khai theo quy định của pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ vào thực tiễn giảng dạy, tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp cho người học. Có cơ chế để người học tham gia đánh giá hoạt động đào tạo; nhà giáo tham gia đánh giá cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của nhà trường;

+ Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị và tài chính, tài sản của Trường theo quy định của pháp luật;

+ Cung cấp dữ liệu về tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp của trường để xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định;

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

- *Quyền hạn:*

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, chiến lược phát triển trường phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động;

+ Tổ chức đào tạo các chương trình giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Liên kết với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp, tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật nhằm khai thác, huy động các nguồn lực xã hội trong thực hiện các chương trình đào tạo giáo dục nghề nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo, gắn đào tạo với việc làm và thị trường lao động.

+ Liên kết, phối hợp với cơ sở giáo dục đại học tổ chức đào tạo trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học và đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng lên trình độ đại học theo quy định của Luật Giáo dục đại học và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Phối hợp với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong hoạt động xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo, tài liệu, học liệu giảng dạy; tổ chức giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thực tập, đánh giá kết quả học tập của người học; bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho nhà giáo;

+ Tổ chức giảng dạy khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông cho học sinh có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở theo học trình độ trung cấp theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành;

+ Thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông theo quy định của pháp luật;

+ Quyết định thành lập các tổ chức trực thuộc Trường và bổ nhiệm, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm cán bộ quản lý

Trường thành lập tổ chức trực thuộc trường theo cơ cấu tổ chức được phê duyệt trong quy chế tổ chức, hoạt động của Trường; bổ nhiệm, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm viên chức quản lý theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý viên chức;

+ Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, chuẩn chức danh nghề nghiệp của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Tổ chức hoạt động phát triển, đánh giá kỹ năng nghề theo quy định của Chính phủ;

+ Tổ chức hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Chính phủ;

+ Sử dụng nguồn thu từ hoạt động đào tạo, khoa học, công nghệ và dịch vụ để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của Trường, chi cho các hoạt động đào tạo, bổ sung nguồn tài chính của trường và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật;

+ Huy động, nhận tài trợ, quản lý và sử dụng nguồn huy động, tài trợ theo quy định của pháp luật nhằm thực hiện các hoạt động của Trường;

+ Quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; quản lý và sử dụng nguồn tài chính theo quy định của pháp luật;

+ Được Nhà nước giao hoặc cho thuê đất, giao hoặc cho thuê cơ sở vật chất; được tham gia đấu thầu, đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ đối với các dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật; được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế và tín dụng theo quy định của pháp luật;

+ Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của UBND tỉnh.

- *Những yếu tố tác động đến hoạt động của đơn vị:*

+ Trên địa bàn tỉnh Bình Phước, có nhiều trường, nhiều cơ sở trong và ngoài công lập thực hiện nhiệm vụ đào tạo nghề hoặc có tham gia đào tạo nghề những nghề truyền thống.

+ Nhu cầu sử dụng lao động có tay nghề của các doanh nghiệp, các công ty trên địa bàn tỉnh còn ít, nhiều cơ sở sản xuất còn sử dụng nhiều lao động phổ thông, lao động chưa qua đào tạo.

+ Tâm lý người lao động hiện nay vẫn còn nặng theo bằng cấp, chưa thực sự thấy rõ lợi ích thiết thực của việc học nghề. Đa phần phụ huynh học sinh còn mong muốn và hướng con em mình tiếp tục học lên bậc cao hơn, chưa nhận thấy được việc học nghề cũng là một cách để lập thân, lập nghiệp.

## **2.2. Thành tích nổi bật:**

Năm 2024, Nhà Trường thực hiện tốt các phong trào do Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh, khối Thi đua số 6 và cơ quan phát động: “Toàn tỉnh chung sức xây dựng nông thôn mới” năm 2024 và giai đoạn 2021- 2025; “Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”; Chiến lược An toàn, An ninh mạng Quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030; hưởng ứng ngày môi trường thế giới (05/6), tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, ngày Đại dương thế giới (08/6) và ngày Quốc

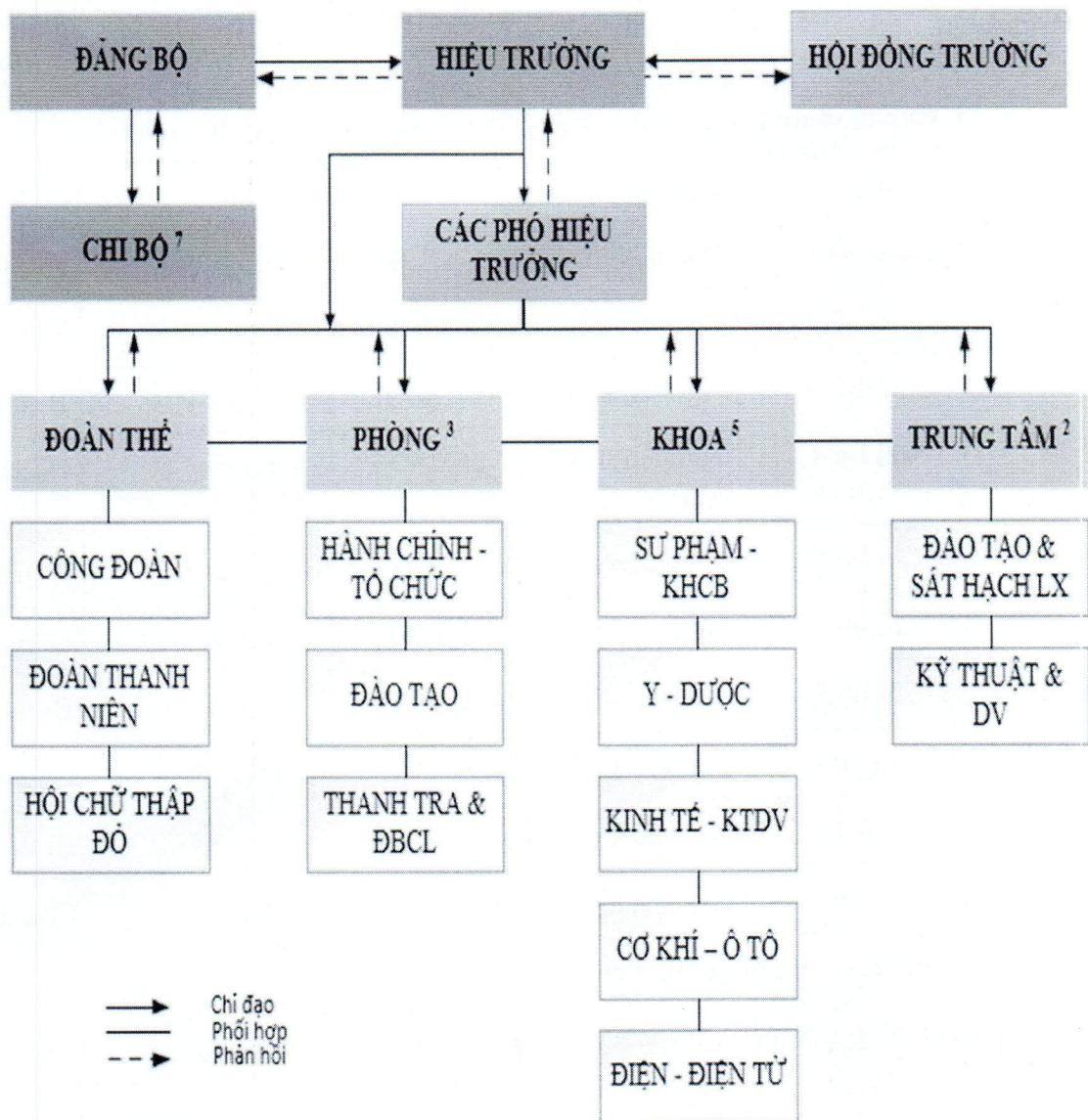
tế Đa dạng sinh học (22/5).

Nhà trường được UBND tỉnh Bình Phước công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” năm 2024 theo Quyết định số 1830/QĐ-UBND ngày 02/12/2024. Trường được Công nhận xếp hạng I theo Quyết định số 1555/QĐ-UBND ngày 15/10/2024. Khen thưởng tổng kết năm học 2023-2024 cho các tập thể thuộc Trường theo Quyết định số 1389/QĐ-UBND ngày 9/9/2024.

Công đoàn Trường được Công đoàn viên chức tỉnh công nhận là Công đoàn cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2024 theo Quyết định số 12/QĐ-CĐVC ngày 13/11/2024. Hội chữ thập đỏ Trường được Hội Chữ thập đỏ tỉnh tặng Giấy khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024 theo Thông báo số 04/TB-CTĐ ngày 18/6/2024. Đoàn Thanh niên Trường được Đoàn Khối CQ&DN tỉnh xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2023-2024 theo Quyết định số 186/QĐ-ĐTN ngày 25/7/2024.

### 3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Trường

#### 3.1. Cơ cấu tổ chức:



**3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Trường:**

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
<b>1. Hội Đồng trường</b>				
1	Nguyễn Bích Liên	1969	Thạc sỹ	Chủ tịch
<b>2. Ban Giám hiệu</b>				
2.1	Hà Văn Kiên	1981	Thạc sỹ	Hiệu trưởng
2.2	Nguyễn Bích Liên	1969	Thạc sỹ	Phó Hiệu trưởng
2.3	Nguyễn Thành Quang	1976	Thạc sỹ	Phó Hiệu trưởng
<b>3. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Chữ thập đỏ</b>				
3.1. Đảng ủy	Hà Văn Kiên	1981	Thạc sỹ	Bí thư
3.2. Chi bộ 1	Phạm Nguyệt Hoa	1981	Thạc sỹ	Bí thư
3.3. Chi bộ 2	Nguyễn Văn Cường	1979	Thạc sỹ	Bí thư
3.4. Chi bộ 3	Nguyễn Đức Toàn	1981	Thạc sỹ	Bí thư
3.5. Chi bộ 4	Nguyễn Thị Nguyệt Minh	1976	Thạc sỹ	Bí thư
3.6. Chi bộ 5	Đỗ Xuân Lợi	1982	Thạc sỹ	Bí thư
3.7. Chi bộ 6	Nguyễn Duy Quân	1976	DSCK1	Bí thư
3.8. Chi bộ 7	Nguyễn Thái Quang	1979	Thạc sỹ	Bí thư
3.9. Công đoàn	Nguyễn Bích Liên	1969	Thạc sỹ	Chủ tịch
3.8. Đoàn TN	Nguyễn Cao Cường	1984	Thạc sỹ	Bí thư
3.9. Chữ Thập đỏ	Nguyễn Văn Khoa	1968	Thạc sỹ	Chủ tịch
<b>4. Trưởng các phòng, ban chức năng</b>				
4.1. Phòng Đào tạo	Nguyễn Văn Cường	1979	Thạc sỹ	PT Phòng
4.2. Phòng Hành	Phạm Nguyệt	1981	Thạc sỹ	Trưởng

chính - Tổ chức	Hoa			Phòng
4.3. Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng	Nguyễn Đức Toàn	1981	Thạc sỹ	PT Phòng
<b>5. Trưởng các Khoa – Trung tâm</b>				
5.1. Khoa Sư phạm và khoa học Cơ bản	Nguyễn Thị Nguyệt Minh	1976	Thạc sỹ	PT Khoa
5.2. Khoa Y Dược	Nguyễn Duy Quân	1976	DSCK1	PT Khoa
5.3. Khoa Cơ khí – Ô tô	Nguyễn Văn Cảnh	1984	Kỹ Sư	PT Khoa
5.4. Khoa Kinh tế kỹ thuật và Dịch vụ	Nguyễn Thái Quang	1979	Thạc sỹ	PT Khoa
5.5. Khoa Điện - Điện tử	Đỗ Xuân Lợi	1982	Thạc sỹ	PT Khoa
5.6. Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe	Nguyễn Văn Hạnh	1983	Cử nhân	Phó Giám đốc

### 3.3. Cán bộ, giáo viên và nhân viên của Trường:

+ Tổng số cán bộ, giáo viên và nhân viên: 135 (116 VC, 02 HDND 111, 17 HĐ khoán việc)

+ Trình độ chuyên môn:

Nội dung	Năm 2024
1. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường	135
2. Tổng số giáo viên cơ hữu theo trình độ đào tạo	116
- Tiến sĩ	1
- Thạc sỹ	70
- Đại học	51
- Cao đẳng	02
- Khác	11
3. Số giáo viên thỉnh giảng	0

### 4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của Trường

#### 4.1. Các ngành, nghề đào tạo:

Các ngành nghề đào tạo theo Giấy chứng nhận đăng kí hoạt động giáo dục nghề

ngành số 78/2024/GCNDKHHĐ-TCGNND ngày 11/10/2024 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

\*) Trụ sở chính: Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
<b>I</b>	<b>Nhóm ngành, nghề Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài</b>			
1	Tiếng Anh thương mại	6220216	70	Cao đẳng
<b>II</b>	<b>Nhóm ngành, nghề Điều dưỡng – Hộ sinh</b>			
1	Hộ sinh	6720303	35	Cao đẳng
		5720303	70	Trung cấp
<b>III</b>	<b>Nhóm ngành, nghề Kỹ thuật y học</b>			
1	Kỹ thuật xét nghiệm y học	5720602	35	Trung cấp

\*) Tại địa điểm đào tạo: Thiếu niên 3, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (trước là xã Minh Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước)

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
<b>I</b>	<b>Nhóm ngành, nghề Kế toán – Kiểm toán</b>			
1	Kế toán doanh nghiệp	6340302	30	Cao đẳng
		5340302	60	Trung cấp
<b>II</b>	<b>Nhóm ngành, nghề Công nghệ thông tin</b>			
1	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	6480202	20	Cao đẳng
		5480202	125	Trung cấp
<b>III</b>	<b>Nhóm Ngành nghề sơ cấp Máy tính</b>			
1	Sửa chữa máy tính phần cứng		120	Sơ cấp
<b>IV</b>	<b>Nhóm ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật cơ khí</b>			
1	Công nghệ ô tô	6510216	25	Cao đẳng

		5510216	70	Trung cấp
<b>V</b>	<b>Nhóm nghề, sơ cấp Công nghệ kỹ thuật cơ khí</b>			
1	Sửa chữa xe gắn máy		120	Sơ cấp
<b>VI</b>	<b>Nhóm ngành, nghề Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật</b>			
1	Cắt gọt kim loại	5520121	60	Trung cấp
<b>VII</b>	<b>Nhóm nghề sơ cấp Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật</b>			
1	Hàn điện		70	Sơ cấp
2	Tiện		70	Sơ cấp
<b>VIII</b>	<b>Nhóm ngành, nghề Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông</b>			
1	Điện tử công nghiệp	6520225	20	Cao đẳng
		5520225	60	Trung cấp
2	Điện công nghiệp	6520227	20	Cao đẳng
		5520227	95	Trung cấp
<b>IX</b>	<b>Nhóm nghề sơ cấp Kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông</b>			
1	Lắp đặt điện cho cơ sở sản xuất nhỏ		150	Sơ cấp
<b>X</b>	<b>Nhóm nghề sơ cấp Khai thác vận tải</b>			
1	Lái xe ô tô các hạng B2		1000	Sơ cấp
2	Lái xe ô tô các hạng C		216	Sơ cấp

\*) Tại địa điểm đào tạo: Phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

TT	Tên ngành, nghề đào tạo	Mã ngành/ngành	Quy mô tuyển sinh/năm	Trình độ đào tạo
<b>I</b>	<b>Nhóm ngành, nghề Y học</b>			
1	Y sĩ đa khoa	5720101	35	Trung cấp

<b>II</b>	<b>Nhóm ngành, nghề Dược học</b>			
1	Dược	6720201	70	Cao đẳng
		5720201	70	Trung cấp
<b>III</b>	<b>Nhóm ngành, nghề Điều dưỡng – Hộ sinh</b>			
1	Điều dưỡng	6720301	70	Cao đẳng
		5720301	70	Trung cấp

**4.2. Ngành sư phạm Mầm non:** Đào tạo theo Quyết định số 5768/2010/QĐ-BGDĐT ngày 14/12/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**5. Đơn vị phụ trách về Đảm bảo chất lượng: Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng**

- Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng được thành lập theo Quyết định số 112/QĐ-CĐBP ngày 24/5/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bình Phước về việc thành lập các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường.

- Chức năng, nhiệm vụ của phòng được thực hiện theo Quyết định 68/QĐ-CĐBP ngày 15/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bình Phước về việc ban hành quy chế tổ chức hoạt động của Trường, theo đó Phòng thực hiện các nhiệm vụ sau:

**5.1. Công tác thanh tra:**

- Chủ trì xây dựng kế hoạch thanh tra hằng năm trình Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện;

- Chủ trì tổ chức, thực hiện kế hoạch thanh tra theo chuyên đề, thanh tra thường xuyên, thanh tra đột xuất theo quyết định của Hiệu trưởng; tổ chức thanh tra việc thực hiện mục tiêu, kế hoạch, chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục, quy chế đào tạo, khảo thí, quy chế cấp phát văn bằng chứng chỉ, thanh tra việc thực hiện các quy định về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục ở các đơn vị trong Trường; thanh tra việc thực hiện các chế độ chính sách cho cán bộ và người học; kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; kiểm tra, giám sát kế hoạch, tiến độ đào tạo của nhà trường; kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện của giảng viên, giáo viên thực tập, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ tại doanh nghiệp; của học sinh, sinh viên thực tập môn học/module, thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp;

- Thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân thường xuyên. Tiếp nhận xác minh đơn thư khiếu nại, tố cáo có liên quan đến hoạt động của nhà trường và kiến nghị Hiệu trưởng biện pháp giải quyết theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh chống những hành vi tham nhũng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, kiến nghị với lãnh đạo nhà trường biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng;

- Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Ban Thanh tra Nhân dân thực hiện những nội dung kiểm tra trong phạm vi công việc của Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng;

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác viên thanh tra trong lĩnh vực giáo dục;

- Đề xuất kiến nghị về các biện pháp đảm bảo thi hành pháp luật về giáo dục, tham gia đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách và quy định của Nhà nước về giáo dục, các quy chế, quy định của nhà trường phù hợp với thực tiễn.

### **5.2. Công tác pháp chế:**

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị chuẩn bị ý kiến góp ý đối với dự thảo văn bản, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan khác lấy ý kiến; kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền trong việc sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động của Trường;

- Chịu trách nhiệm kiểm tra, có ý kiến về mặt pháp lý đối với các văn bản của nhà trường trước khi trình Lãnh đạo Trường ký ban hành (*trừ các văn bản có tính chất chuyên môn, thường xuyên của các đơn vị*); tham mưu cho Hiệu trưởng những vấn đề pháp lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà trường, của cán bộ, viên chức, người lao động và người học;

- Chủ trì công tác tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tổ chức bồi dưỡng kiến thức pháp luật các quy định, quy chế của Trường cho cán bộ, viên chức, người lao động và người học; kiểm tra, giám sát tình hình thi hành pháp luật trong Trường; đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quy định về việc bảo vệ bí mật Nhà nước theo quy định.

### **5.3. Công tác đảm bảo chất lượng:**

- Xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm định chất lượng của nhà trường theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Lập kế hoạch, tổ chức triển khai, tập huấn cho cán bộ quản lý, giảng viên và giáo viên về việc xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý và kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

- Phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai việc tự đánh giá, cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo và định kỳ đăng ký kiểm định chương trình, kiểm định nhà trường; thường xuyên cập nhật minh chứng theo các tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng của nhà trường;

- Lập kế hoạch khắc phục những hạn chế, yếu kém về chất lượng đào tạo của nhà trường sau khi được kiểm định và công bố công khai kế hoạch đó;

- Chủ trì và phối hợp với các đơn vị định kỳ tổ chức thu thập ý kiến của cán bộ, viên chức, học sinh, sinh viên và nhà sử dụng lao động về chất lượng đào tạo và phục vụ của nhà trường;

- Tổ chức nghiên cứu, triển khai ứng dụng các phương pháp và công nghệ mới trong giảng dạy và kiểm tra đánh giá;

- Tổ chức lưu giữ và bảo mật cơ sở dữ liệu của nhà trường về đảm bảo chất lượng, kiểm định chất lượng giáo dục;

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất với Hiệu trưởng và các cơ quan có



thẩm quyền về công tác đảm bảo chất lượng giáo dục;

- Tổ chức đánh giá chất lượng đào tạo qua kết quả thi và kết quả tốt nghiệp của học sinh, sinh viên. Đánh giá khả năng tìm kiếm việc làm của học sinh, sinh viên các chuyên ngành được đào tạo sau khi tốt nghiệp đối với nhu cầu của xã hội; lần vết học sinh, sinh viên đã tốt nghiệp ra trường có việc làm;

- Tham gia các hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế trong lĩnh vực kiểm định chất lượng theo sự chỉ đạo của Hiệu trưởng;

- Công bố công khai các kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng đào tạo, bồi dưỡng trên Website và các phương tiện thông tin khác của nhà trường.

#### **5.4. Danh sách viên chức của Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng:**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên, điện thoại, email</b>	<b>Chức danh, nhiệm vụ</b>
1	Nguyễn Đức Toàn. 0904930330. ductoanspbp@gmail.com	- Phó phụ trách Phòng; -Thực hiện các công tác thanh tra, pháp chế, đảm bảo chất lượng và các nhiệm vụ khác do hiệu trưởng giao.
2	Nguyễn Tiến Hùng 0982185368. hungdtbp@gmail.com	- Phó Trưởng phòng; - Thực hiện công tác do phụ trách phòng chỉ đạo.
3	Nguyễn Văn Dũng. 0979 256925. nguyendungspbpb@gmail.com	- Viên chức; - Thực hiện công tác do phụ trách phòng chỉ đạo.
4	Đỗ Thị Hải Yến 0389104769. haiyendatduong@gmail.com	- Viên chức; - Thực hiện công tác do phụ trách phòng chỉ đạo.
5	Nguyễn Nam Trung 0967121275. namtrungcdbp@gmail.com	- Viên chức; - Thực hiện công tác do phụ trách phòng chỉ đạo.
6	Nguyễn Thị Bình 0395336916. binhduc1519@gmail.com	- Viên chức; - Thực hiện công tác do phụ trách phòng chỉ đạo.
7	Nguyễn Thị Thoa 0948566192. Baothoa1976spbpb@gmail.com	- Viên chức; - Thực hiện công tác do phụ trách phòng chỉ đạo.

## B. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CỦA TRƯỜNG

### 1. Thời gian thực hiện tự đánh giá

Xác định các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính cần huy động hoặc cung cấp cho từng hoạt động tự đánh giá, thời gian cần được cung cấp.

STT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian cần huy động
1	Tiêu chí 1	<ul style="list-style-type: none"><li>- Phân công chuẩn bị đề cương báo cáo tự đánh giá theo từng tiêu chí;</li><li>- Triển khai thu thập minh chứng;</li><li>- Mã hóa các thông tin và minh chứng thu được;</li><li>- Mô tả các thông tin và minh chứng thu được;</li><li>- Phân tích lý giải các kết quả đạt được;</li><li>- Thu thập xử lý thông tin bổ sung (nếu cần);</li><li>- Viết báo cáo tự đánh giá theo từng tiêu chí;</li><li>- Viết báo cáo đánh giá theo tiêu chuẩn.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Toàn bộ các thành viên Ban đảm bảo chất lượng;</li><li>- Các đơn vị, cá nhân trong ngoài trường có liên quan đến tự đánh giá của Trường (BGH, phòng, khoa, tổ, trung tâm, các cơ sở giáo dục);</li><li>- Nguồn lực tài chính. Ngân sách nhà nước.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Từ tháng 2/2024 đến tháng 12/2024;</li><li>- Công bố kết quả tháng 12/2024.</li></ul>
2	Tiêu chí 2			
3	Tiêu chí 3			
4	Tiêu chí 4			
5	Tiêu chí 5			
6	Tiêu chí 6			
7	Tiêu chí 7			
8	Tiêu chí 8			
9	Tiêu chí 9			

### 2. Kết quả tự đánh giá chất lượng

Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp là hoạt động có yêu cầu cao về tính khoa học, khách quan, công bằng, đồng thời bảo đảm tính thiết thực, chống hình thức, được dựa trên cơ sở pháp lý chặt chẽ và theo các quy định của pháp luật. Tự đánh giá giúp cơ sở đào tạo có điều kiện đánh giá lại mình một cách toàn diện, đầy đủ thông qua việc xem xét và xây dựng báo cáo tự đánh giá, nâng cao năng lực hoạt động của mình để tiến tới xây dựng một cơ sở đào tạo có chất lượng cao.

Chất lượng giáo dục nghề nghiệp đang là vấn đề thu hút được sự quan tâm của các nhà quản lý, các doanh nghiệp, của phụ huynh, cũng như người học và toàn xã hội. Đối với Trường Cao đẳng Bình Phước tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp có vai trò như là một động lực bên trong với sự hỗ trợ, khuyến khích từ bên ngoài, giúp cho Nhà trường có điều kiện đánh giá lại mình một cách toàn diện, đầy đủ để tiến tới xây dựng trường trở thành một cơ sở giáo dục nghề nghiệp có chất lượng cao, thương hiệu và uy tín của Nhà trường được xã hội biết đến và thừa nhận.

Để đáp ứng được các yêu cầu trên, với mong muốn có sự nhìn nhận toàn diện các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng, Trường Cao đẳng Bình Phước đã xây dựng kế hoạch, thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng

giáo dục nghề nghiệp và triển khai công tác tự đánh giá. Quá trình tự đánh giá đã huy động được sự tham gia của các cán bộ quản lý, đội ngũ giảng viên, HSSV trong toàn trường và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Kết quả báo cáo tự đánh giá được công bố công khai trong hệ thống thông tin của Nhà trường, đồng thời gửi báo cáo đến Tổng Cục Kiểm định chất lượng - Bộ Lao động và Thương binh và Xã hội, UBND tỉnh Bình Phước, Sở Lao động và Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Phước.

### Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	<b>ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC</b>		<b>Đạt</b>
	<b>Tổng điểm</b>	<b>100</b>	<b>94</b>
	<b>Tiêu chí 1: Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý</b>	<b>12</b>	<b>12</b>
1	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.	1	1
2	Tiêu chuẩn 1.2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.	1	1
3	Tiêu chuẩn 1.3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	1	1
4	Tiêu chuẩn 1.4: Hàng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
5	Tiêu chuẩn 1.5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.	1	1
6	Tiêu chuẩn 1.6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.	1	1
7	Tiêu chuẩn 1.7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	1	1
8	Tiêu chuẩn 1.8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và Hàng	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.		
9	Tiêu chuẩn 1.9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.	1	1
10	Tiêu chuẩn 1.10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	1
11	Tiêu chuẩn 1.11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hàng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	1	1
12	Tiêu chuẩn 1.12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	1	1
	<b>Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo</b>	<b>17</b>	<b>16</b>
13	Tiêu chuẩn 2.1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.	1	1
14	Tiêu chuẩn 2.2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.	1	1
15	Tiêu chuẩn 2.3: Hàng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.	1	1
16	Tiêu chuẩn 2.4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.	1	0
17	Tiêu chuẩn 2.5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.	1	1
18	Tiêu chuẩn 2.6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.		
19	Tiêu chuẩn 2.7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung CTĐT đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
20	Tiêu chuẩn 2.8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.	1	1
21	Tiêu chuẩn 2.9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.	1	1
22	Tiêu chuẩn 2.10: Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.	1	1
23	Tiêu chuẩn 2.11: Hàng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.	1	1
24	Tiêu chuẩn 2.12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	1	1
25	Tiêu chuẩn 2.13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
26	Tiêu chuẩn 2.14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá KQHT, RL, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	1	1
27	Tiêu chuẩn 2.15: Hàng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
28	Tiêu chuẩn 2.16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	đào tạo liên thông theo quy định.		
29	Tiêu chuẩn 2.17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.	1	1
	<b>Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động</b>	<b>15</b>	<b>14</b>
30	Tiêu chuẩn 3.1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	1	1
31	Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, CBQL, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, CBQL, viên chức, người lao động theo quy định.	1	1
32	Tiêu chuẩn 3.3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	1	0
33	Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	1	1
34	Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	1	1
35	Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của CTĐT.	1	1
36	Tiêu chuẩn 3.7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	1	1
37	Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và PPGD cho đội ngũ nhà giáo.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
38	Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
39	Tiêu chuẩn 3.10: Hàng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	1	1
40	Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	1	1
41	Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	1	1
42	Tiêu chuẩn 3.13: Đội ngũ CBQL của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.	1	1
43	Tiêu chuẩn 3.14: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	1	1
44	Tiêu chuẩn 3.15: Đội ngũ viên chức, NLD của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	1	1
	<b>Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình</b>	<b>15</b>	<b>15</b>
45	Tiêu chuẩn 4.1: Có đầy đủ CTĐT các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	1	1
46	Tiêu chuẩn 4.2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	1	1
47	Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	1	1
48	Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý GDNN, cán bộ	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.		
49	Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.	1	1
50	Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.	1	1
51	Tiêu chuẩn 4.7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với CTĐT đã ban hành.	1	1
52	Tiêu chuẩn 4.8: Chính sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các CTĐT tương ứng của nước ngoài.	1	1
53	Tiêu chuẩn 4.9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	1	1
54	Tiêu chuẩn 4.10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	1	1
55	Tiêu chuẩn 4.11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	1	1
56	Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1	1
57	Tiêu chuẩn 4.13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	1	1
58	Tiêu chuẩn 4.14: Hàng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
59	Tiêu chuẩn 4.15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh	1	1



TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.		
	<b>Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</b>	<b>15</b>	<b>12</b>
60	Tiêu chuẩn 5.1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
61	Tiêu chuẩn 5.2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	1	1
62	Tiêu chuẩn 5.3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.	1	1
63	Tiêu chuẩn 5.4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	1	1
64	Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.	1	1
65	Tiêu chuẩn 5.6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1	1
66	Tiêu chuẩn 5.7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
67	Tiêu chuẩn 5.8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	1	0
68	Tiêu chuẩn 5.9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	1	1
69	Tiêu chuẩn 5.10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	1	1
70	Tiêu chuẩn 5.11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	1	1
71	Tiêu chuẩn 5.12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	1	1
72	Tiêu chuẩn 5.13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, GT đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	1	1
73	Tiêu chuẩn 5.14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	1	0



TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
74	Tiêu chuẩn 5.15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	1	0
	<b>Tiêu chí 6: Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế</b>	<b>5</b>	<b>5</b>
75	Tiêu chuẩn 6.1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.	1	1
76	Tiêu chuẩn 6.2: Hàng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).	1	1
77	Tiêu chuẩn 6.3: Hàng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	1	1
78	Tiêu chuẩn 6.4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	1	1
79	Tiêu chuẩn 6.5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	1
	<b>Tiêu chí 7: Quản lý tài chính</b>	<b>6</b>	<b>6</b>
80	Tiêu chuẩn 7.1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	1	1
81	Tiêu chuẩn 7.2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ HĐ dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.	1	1
82	Tiêu chuẩn 7.3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động, của trường.	1	1

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
83	Tiêu chuẩn 7.4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	1	1
84	Tiêu chuẩn 7.5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các CQ có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	1	1
85	Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.	1	1
	<b>Tiêu chí 8: Dịch vụ người học</b>	<b>9</b>	<b>8</b>
86	Tiêu chuẩn 8.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.	1	1
87	Tiêu chuẩn 8.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	1	1
88	Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	1	1
89	Tiêu chuẩn 8.4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	1	1
90	Tiêu chuẩn 8.5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	1	1
91	Tiêu chuẩn 8.6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	1	0
92	Tiêu chuẩn 8.7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt	1	1



TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN
	động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.		
93	Tiêu chuẩn 8.8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	1	1
94	Tiêu chuẩn 8.9: Hàng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	1	1
	<b>Tiêu chí 9: Giám sát, đánh giá chất lượng</b>	<b>6</b>	<b>6</b>
95	Tiêu chuẩn 9.1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	1	1
96	Tiêu chuẩn 9.2: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động.	1	1
97	Tiêu chuẩn 9.3: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	1	1
98	Tiêu chuẩn 9.4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.	1	1
99	Tiêu chuẩn 9.5: Hàng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	1	1
100	Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.	1	1

**C. ĐỀ XUẤT, KHUYẾN NGHỊ:** Không

**Nơi nhận:**

- TCGDNN;
- UBND tỉnh;
- Sở LĐTBXH;
- Ban Giám hiệu;
- Ban QLCL;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường;
- Lưu: VT, TTĐBCL(nvd).



*Hà Văn Kiên*